



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH
GILIMEX

Địa chỉ : 334A Phan Văn Trị , Phường 11, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : 028-35162288

Fax: 028.35160118

Email: gilimex@gilimex.com

website: www.gilimex.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2017

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2018

MỤC LỤC

- I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY
- II. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017
- III. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ 2017 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2018
- IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2017
- V. QUẢN TRỊ CÔNG TY
 - 1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 - 2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
- VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2017 ĐÃ KIỂM TOÁN



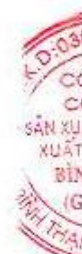
I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH
Tên Tiếng Anh	BINH THANH IMPORT EXPORT PRODUCTION AND TRADE JOINT STOCK COMPANY
Tên Viết Tắt	GILIMEX
Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302181666, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19/9/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp	
Vốn điều lệ	139.245.880.000 đồng
Vốn đầu tư	139.245.880.000 đồng
Địa chỉ	334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số điện thoại	84-28 – 35162288
Số fax	84-28 – 38411598 - 35160118
Website	www.gilimex.com
Mã cổ phiếu	GIL

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh được thành lập theo Quyết định cổ phần hóa số 134/2000/QĐ-TTg ngày 24/11/2000 của Thủ Tướng Chính phủ từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Sản Xuất Kinh doanh Xuất nhập Khẩu Bình Thạnh có tiền thân là Công ty Cung ứng hàng xuất khẩu Quận Bình Thạnh được thành lập từ năm 1982 theo Quyết định số 39/QĐ-UB ngày 19/03/1982 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh
- Ngày 27/12/2000, Công ty đã tiến hành Đại hội Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần với Vốn Điều lệ Ban đầu là 12 tỷ đồng. Ngày 29/12/2000, Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000253 và Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh chính thức hoạt động từ ngày 01/01/2001. Đến nay, Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19/9/2014 với mã số doanh nghiệp là 0302181666.
- Vào ngày 31/12/2016, vốn điều lệ của Công ty là 139.245.880.000 đồng



2.1. Niêm yết

- Ngày 02/01/2002, Cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu thứ 11 được chính thức niêm yết và giao dịch tại Trung Tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) nay là Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán : GIL
- Mệnh giá : 10.000 đồng / cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết hiện nay : 13.924.588 cổ phiếu

2.2. Các sự kiện quan trọng

- Vốn Điều lệ ban đầu thành lập : 12.000.000.000 đồng
- Tháng 8/2001 : Công ty nâng vốn Điều lệ lên 17.000.000.000 đồng
- Năm 2003 : Vốn điều lệ của Công ty là 25.500.000.000 đồng
- Năm 2005 : Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 45.500.000.000 đồng để thực hiện Dự án Cao ốc Văn phòng tại số 24C Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Tháng 9/2007 : Để thực hiện Dự án Xí nghiệp may Tại Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Công ty đã huy động vốn thông qua phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ lên thành 102.198.810.000 đồng
- Tháng 4/2010 : Công ty chia cổ tức 25% bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2009, tăng Vốn điều lệ từ 102.198.810.000 đồng lên 127.745.880.000 đồng
- Tháng 02/2012 : Phát hành 550.000 cổ phiếu cho cán bộ, nhân viên Công ty, nâng vốn điều lệ Công ty lên thêm 5.500.000.000 đồng thành 133.245.880.000 đồng
- Tháng 9/2012 : Phát hành 600.000 cổ phiếu cho cán bộ, nhân viên Công ty, nâng vốn điều lệ Công ty lên 139.245.880.000 đồng

2.3. Các mốc phát triển

- Tháng 10/2006: Khởi công xây dựng Cao ốc văn phòng 24C Phan Đăng Lưu, Bình Thạnh, TP.HCM
- Tháng 10/2007: Khởi công xây dựng xí nghiệp may ba lô, túi xách tại Khu Công nghiệp – Tiểu Thủ công nghiệp Hắc Dịch, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Tháng 8/2008 : Xí nghiệp may Thạnh Mỹ hoạt động với tên Công ty TNHH một thành viên Thạnh Mỹ, nay là Công ty TNHH May Thạnh Mỹ
- Tháng 1/2010 : Cao ốc văn phòng Gilimex Building đã hoàn thiện và được đưa vào khai thác
- Quý 1/2011 : Hợp tác với Phong Phú phát triển các nhà máy sản xuất tại Miền Trung bao gồm các nhà máy ở Huế và Quảng Trị



- Tháng 2/2013 : Góp vốn thành lập Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh Thiết bị Chiếu sáng Thái Bình Dương: Sản xuất Đèn trang trí xuất khẩu
- Tháng 3/2013 : Góp vốn thành lập Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh Kim khí Đại Tây Dương: Sản xuất khung kim loại phục vụ cho ngành may gia dụng của Công ty
- Tháng 12/2013: Chuyển nhượng Công trình Cao ốc văn phòng 24C Phan Đăng Lưu, Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh
- Tháng 09/2014: Chuyển trụ sở chính của Công ty về 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Tháng 08/2016: Trở thành cổ đông chiến lược sở hữu 25% cổ phần Công Ty CP Dệt May Gia Định

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

3.1. **Ngành nghề kinh doanh chính** : Sản xuất và xuất khẩu hàng gia dụng

3.2. **Địa bàn kinh doanh** : Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Châu Âu, Mỹ

4. MÔ HÌNH QUẢN TRI - TỔ CHỨC KINH DOANH – BỘ MÁY QUẢN LÝ

4.1. **Mô hình quản trị**: Quản lý tập trung với định hướng

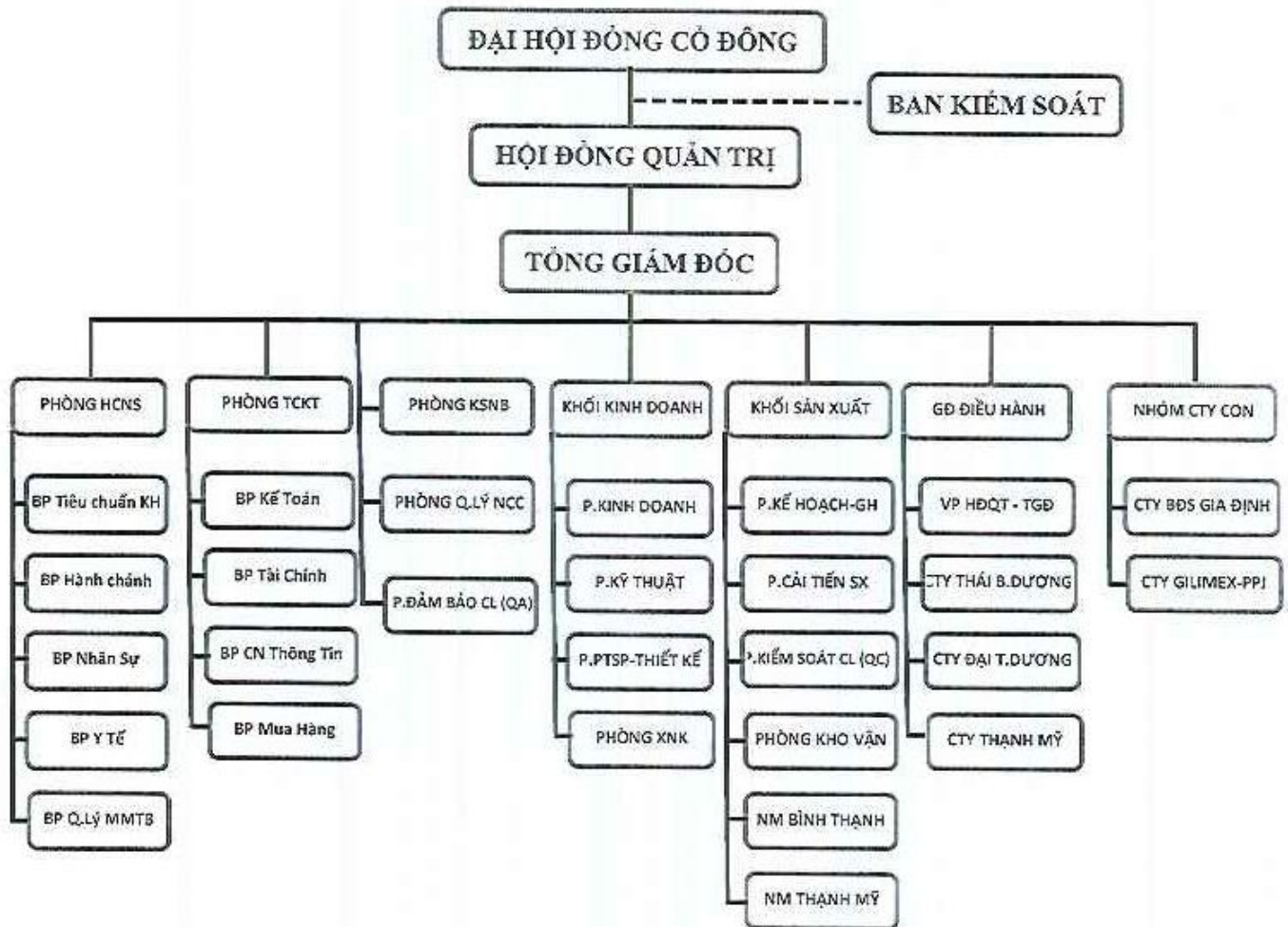
- Hướng về khách hàng
- Tập trung các chức năng về Tổng Công ty: Đàm phán với khách hàng, phát triển sản phẩm, mua hàng, điều phối sản xuất, quản lý chất lượng và nhân sự
- Hiệu quả, linh hoạt, với hao phí thấp nhất, chất lượng bảo đảm và giá thành cạnh tranh nhất

Lợi ích từ việc áp dụng mô hình quản lý tập trung

- Tập trung được sức mạnh tài chính
- Tập trung sức mạnh trong việc đàm phán khách hàng và nhà cung cấp
- Tinh giảm bộ máy để tận dụng nguồn lực và tiết kiệm chi phí

2. Cơ cấu bộ máy quản lý





4.3. Các Công ty con & liên kết

4.3.1. Công ty con

Công ty TNHH May Thạnh Mỹ

- Địa chỉ : Cụm Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
- Ngành nghề kinh doanh: May hàng gia dụng.
- Vốn điều lệ : 60.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ : 100%

Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định

- Địa chỉ : 572 Lê Quang Định, Phường 1, Quận Gò Vấp, Tp.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà ở, tư vấn đầu tư, kinh doanh bất động sản
- Vốn điều lệ : 35.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ : 100%

Công ty cổ phần May Hàng Gia dụng GILIMEX – PPJ

- Địa chỉ : 334A Phan Văn trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: May trang phục, sản xuất trang phục dệt kim, đan, móc, sản xuất và xuất khẩu hàng may mặc, kinh doanh tơ, xơ, sợi dệt,vải, phụ liệu may mặc, giày dép

- Vốn điều lệ : 130.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ : 99,45%

Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Chiếu sáng Thái Bình Dương

- Địa chỉ : Cụm công nghiệp – Tiểu Thủ công nghiệp Hắc Dịch, ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
- Ngành nghề : Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng
- Vốn Điều lệ : 20.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ : 99,9%

Công ty cổ phần Sản xuất Kinh doanh Kim khí Đại Tây Dương

- Địa chỉ : Cụm công nghiệp – Tiểu Thủ công nghiệp Hắc Dịch, ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.
- Ngành nghề : Sản xuất sản phẩm kim loại
- Vốn Điều lệ : 20.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ : 100%

4.3.2. Công ty liên kết

Công ty cổ phần Dệt May Gia Định

- Địa chỉ : 10-16 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp
- Ngành nghề : May mặc
- Vốn Điều lệ : 627.389.560.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty GILIMEX : 25%

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

5.1. Các mục tiêu chủ yếu 2018

- Ngành hàng: Hàng gia dụng sử dụng vải và vải kết hợp với kim loại, vải kết hợp với nhựa.
- Năng suất sản xuất: Tăng bình quân mỗi năm lên 10% so với năm trước
- Tăng công suất ít nhất 5% so với 2017

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đa dạng hóa lĩnh vực kinh doanh với mục tiêu trở thành Nhà sản xuất và cung cấp hàng đầu các sản phẩm gia dụng tại Việt Nam, phục vụ cho nhu cầu tối thiểu của cuộc sống con người. Công ty định hướng hoạt động trong các nhóm ngành nghề chính:
 - Hàng may gia dụng & hàng may công nghiệp xuất khẩu
 - Hàng may mặc thời trang
 - Các sản phẩm khác từ bông, sợi, vải phục phục cho thị trường nội địa
 - Thiết bị chiếu sáng và sản phẩm kim loại gia dụng/công nghiệp
 - Kinh doanh Bất Động Sản
- Tiếp tục nghiên cứu và đầu tư các dự án đang triển khai, các dự án tiềm năng khác nhằm khai thác hết thế mạnh hiện có của Công ty

5.3. Mục tiêu về môi trường, xã hội và công đồng của Công ty

Đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy chuẩn do khách hàng yêu cầu, thực hiện đúng quy định về vệ sinh, an toàn trong lao động, bảo vệ môi trường và các chính sách đối với



người lao động. Công ty đã ban hành và luôn cập nhật, truyền đạt đến toàn thể người lao động trong Công ty nhằm thấu hiểu và cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết không sử dụng lao động cưỡng bức và ép buộc lao động trong toàn Công ty
- Bằng mọi biện pháp ngăn chặn, kiểm soát và giảm thiểu các yếu tố tác động đến môi trường như bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị thường xuyên để giảm tiếng ồn, độ rung và khí thải ra môi trường, phân loại và xử lý chất thải đúng quy định
- Cam kết thực hiện các chế độ chính sách xã hội, thời gian làm việc, bảng lương, bảng chấm công minh bạch, công khai theo luật định
- Sử dụng năng lượng hiệu quả, sử dụng những thiết bị tiết kiệm điện như đèn LED, tắt điện khi không sử dụng, giảm thiểu lượng khí CO2 thải ra môi trường gây hiệu ứng nhà kính, ứng dụng công nghệ mới trong hoạt động sản xuất kinh doanh để tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên như than đá, dầu mỏ
- Phát triển những nhà cung cấp nguyên liệu để từng bước tạo ra sản phẩm mang tính phát triển bền vững bằng cách tận dụng nguyên phụ liệu tái tạo

6. CÁC RỦI RO ĐỐI VỚI CÔNG TY NĂM 2018

6.1. Rủi ro về thị trường

Với tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động, đặc biệt là thị trường Châu Âu, Mỹ và Trung Quốc, việc xuất nhập khẩu hàng hóa của Công ty qua các thị trường này có thể có nhiều biến động trong năm 2018.

6.2. Lao động

Ngành sản xuất hàng gia dụng có đặc tính sử dụng nhiều lao động nên khi mở rộng sản xuất kinh doanh cần thời gian để người lao động nâng cao tay nghề; năng suất, lực lượng lao động này thường xuyên biến động nhất là tháng sau Tết Nguyên Đán gây rủi ro trong việc thiếu hụt công nhân, sản xuất giao hàng không đúng hạn.

6.3. Lương tối thiểu tăng cùng các thay đổi trong chính sách BHXH

Việc tăng lương tối thiểu và các thay đổi trong chính sách BHXH khiến chi phí lương và BHXH tăng, dẫn đến giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu tăng theo, làm giảm sức cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

6.5. Hàng tồn kho

Do đặc thù ngành sử dụng nhiều lao động nên việc dự trữ nguyên vật liệu cho sản xuất giao hàng đúng hạn và duy trì sản xuất đảm bảo việc làm cho công nhân là việc cần thiết, nhưng khi thị trường biến động: đơn hàng giảm, nhu cầu từ khách hàng giảm đột ngột làm tăng rủi ro về tồn kho, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.6. Rủi ro về biến động giá nguyên liệu

Việc giá nguyên liệu có xu hướng tăng mạnh trong năm 2018 như nhựa, vải, thép cũng như tỷ giá biến động làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Doanh nghiệp.



II. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Với 36 năm thành lập và trưởng thành, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty liên tục phát triển song song với việc mở rộng quy mô đầu tư, xây dựng nhà xưởng mới với hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng những quy chuẩn của khách hàng. Doanh số xuất khẩu trực tiếp từ 2 triệu USD trong những năm đầu thành lập đã đạt đến 88,2 triệu USD trong năm 2017, thị trường xuất khẩu ngày càng mở rộng với thị trường chính là Châu Âu và Mỹ.

Đến nay, GILIMEX đã khẳng định được vị trí của mình trước công chúng và nhà đầu tư, là một trong những công ty niêm yết hoạt động có hiệu quả, mang lại lợi nhuận cao cho cổ đông, tạo công việc làm ổn định và tăng thu nhập cho 2.389 người lao động của toàn Công ty.

Doanh thu và lợi nhuận hợp nhất của Công ty qua các năm như sau:

CHỈ TIÊU NĂM	ĐVT	2013	2014	2015	2016	2017	2013-2017
Doanh thu	VND	882.679.399.727	1.082.271.139.436	1.079.256.515.515	1.293.633.771.995	2.169.958.315.664	6.540.798.703.339
Lợi nhuận sau thuế	VND	68.510.347.484	518.710.750.010	57.232.305.912	80.983.068.000	143.509.276.102	410.105.072.508
Cổ tức	%	40	50	25	25	35	205

Kết quả hoạt động trong năm

Trong năm qua, tình hình thị trường Châu Âu, Mỹ và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng còn rất nhiều khó khăn trước áp lực giảm giá của khách hàng, song với sự nỗ lực của Ban điều hành và tập thể người lao động, Công ty đã không ngừng vượt khó, tích cực đàm phán với khách hàng để gia tăng đơn hàng, tăng doanh thu và lợi nhuận, đặc biệt là tăng tỷ trọng doanh thu vào thị trường Mỹ, đáp ứng yêu cầu đơn hàng và những quy định nghiêm ngặt của khách hàng đối với sản phẩm về an toàn, an ninh, trách nhiệm môi trường và xã hội để đạt được những thành quả tích cực trong sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2017	THỰC HIỆN NĂM 2017	THỰC HIỆN 2017 /KẾ HOẠCH
Tổng Doanh Thu	VND	1.400.000.000.000	2.169.958.315.664	155 %
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	VND	85.000.000.000	143.509.276.102	168 %

So với các chỉ tiêu và mục tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông Công ty Gilimex đề ra cho năm 2017 thì chỉ tiêu về doanh thu vượt kế hoạch 55 %, lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch 68 %.

Nguyên nhân chính là do song song với việc phát triển thị trường, sản phẩm và khách hàng, đặt biệt là đơn hàng của khách hàng Mỹ gia tăng thì việc tổ chức lại mua hàng hiệu quả, tìm nhà cung cấp có giá cạnh tranh hơn, cải tổ lại các phòng ban trong Công ty theo hướng cắt giảm chi phí, tiết kiệm, giảm hao hụt nguyên phụ liệu trong sản xuất, tăng năng suất lao động đã làm gia tăng hiệu quả hoạt động trong toàn hệ thống.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1. Danh sách Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

- Họ và tên : LÊ HÙNG
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh
- Số cổ phần nắm giữ : 1.691.301 cổ phiếu phổ thông GIL - chiếm tỷ lệ 12,18% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

Kế toán trưởng

- Họ và tên : NGUYỄN THỊ MINH HIẾU
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán Kiểm toán
- Số cổ phần nắm giữ : 55.000 cổ phiếu phổ thông GIL - chiếm tỷ lệ 0,40% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

2.2. Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc: Không có

2.3. Số lượng CBCNV kể cả Công ty hợp nhất trong Báo cáo tài chính năm 2017 : 2.389 người

2.4. Các chính sách của Công ty đối với người lao động: Thực hiện đầy đủ các chính sách theo Luật định đối với người lao động, ngoài ra Công ty còn:

- Hỗ trợ chi phí cho lao động nữ có con ở lứa tuổi gửi trẻ, mẫu giáo, lao động nữ có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi
- Thực hiện chế độ nghỉ mát hàng năm cho người lao động
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất
- Mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể người lao động
- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động
- Cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tạo không khí thoáng mát, môi trường làm việc tốt cho công nhân sản xuất như : chỉnh trang lại các xưởng may, lắp hệ thống làm mát trong xưởng
- Phát động các phong trào thi đua thúc đẩy tăng năng suất, nâng cao thu nhập cho người lao động
- Khen thưởng cho các tập thể, cá nhân lao động giỏi, xuất sắc và thưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh cho toàn thể người lao động vào dịp cuối năm - Năm 2017 người lao động được thưởng 2 tháng lương bình quân



- Cùng với công đoàn, tổ chức các hoạt động vui chơi, thể thao nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân. Đồng thời, nhân dịp Tết Mậu Tuất, chăm lo cho công nhân nghèo, công nhân không về quê, tổ chức xe và hỗ trợ một phần tiền vé cho một số công nhân về quê, để động viên công nhân sau một năm làm việc

Những thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Đã điều chỉnh tăng lương tối thiểu phù hợp với quy định của Nhà nước
- Thực hiện chính sách trả lương sản phẩm nhằm thúc đẩy tăng năng suất trong sản xuất

3. ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2017, ngoài việc tập trung chỉnh trang, đầu tư máy móc thiết bị, cải tạo cơ sở vật chất các nhà máy hiện có, Công ty đã lên kế hoạch dự án mở rộng hệ thống kho để đáp ứng, nhu cầu đơn hàng ngày càng tăng và mục tiêu tăng trưởng trung và dài hạn của Công ty.

4. TÀI CHÍNH

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	1.089.998.485.827	1.487.143.086.764	36,44%
Doanh thu thuần	1.290.633.771.996	2.169.958.315.664	68,13%%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	122.506.805.529	174.689.075.626	42,60%
Lợi nhuận khác	3.618.605.867	10.007.559.365	176,56%
Lợi nhuận trước thuế	184.696.634.991	181.905.368.657	46,44%
Lợi nhuận sau thuế	80.983.068.060	143.509.276.102	77,21%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	2016	2017	% Tăng/Giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,14	1,22	6,76%
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	0,47	0,79	67,42%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,59	0,62	6,63%
- Hệ số Nợ/ Vốn Chủ sở hữu	1,41	1,66	17,65%



3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	0,57	4,41	672,97%
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,94	1,46	54,62%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,08	0,07	-21,63%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,19	0,26	34,92%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,08	0,10	21,18%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,12	0,08	-32,33%

1. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1. Cổ phần

Số cổ phiếu đang lưu hành	:	13.885.908 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	:	38.680 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	:	13.804.888 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	:	81.020 cổ phiếu

5.2. Cơ cấu cổ đông của Gilimex tại thời điểm 19/03/ 2018

STT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	SỐ CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH	TỶ LỆ SỞ HỮU/SLCP ĐANG LƯU HÀNH
1	Tổ chức trong nước	1.502.012	1.463.332	10,54%
2	Cá nhân trong nước đã lưu ký	11.128.594	11.128.594	80,14%
3	Cá nhân trong nước chưa lưu ký	20.727	20.727	0,15%
4	Tổ chức nước ngoài	1.112.627	1.112.627	8,01%
5	Cá nhân nước ngoài	160.628	160.628	1,16%
	TỔNG CỘNG	13.924.588	13.885.908	100,00%

1030
 CẾ
 C
 K
 QU
 B
 G
 TH

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) tại thời điểm 19/03/2018

STT	HỌ TÊN	ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	SỐ CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH	TỶ LỆ SỞ HỮU/SLCP ĐANG LƯU HÀNH
3	Công ty cổ phần May Hàng Gia dụng GILIMEX-PPJ	334A Phan Văn Trị, P.11, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	856.990	6,17%
4	Lê Hùng	334A Phan Văn Trị, P.11, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	1.691.301	12,18%
6	Lê Thị Diệu Chi	9/1 Nguyễn Thị Huỳnh, P.8, Q. Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.	700.000	5,04%
7	Nguyễn Hữu Phúc	139 Calmette, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh	700.000	5,04%
	TỔNG CỘNG		3.948.291	28,43%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi trong năm 2017

5.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Số lượng cổ phiếu quỹ đến 19/03/2018: 38.680 cổ phiếu

5.4. Các giao dịch trong năm 2017

- Từ ngày 12/06/2017 đến ngày 16/6/2017 : Công ty đã mua 2.670 cổ phiếu của CBCNV nghỉ việc làm cổ phiếu quỹ
- Từ ngày 11/10/2017 đến ngày 13/10/2017: Công ty đã mua 1.340 cổ phiếu của CBCNV nghỉ việc làm cổ phiếu quỹ

Chứng khoán khác: Không có

2. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI:

2.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu :

- Nguyên vật liệu được sử dụng chủ yếu là vải, vải kết hợp với nhựa
 - Vải : 26.791.498 mét
 - Mousse : 970.556 mét
 - Chỉ : 916.261 cuộn
 - Nhấn : 87.381.785 cái
 - Giấy : 5.755 tấn
- Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm: 0%

2.2. Tiêu thụ năng lượng:

- Tổng lượng điện tiêu thụ năm 2016: 1.184.292 kw
- Tổng lượng điện tiêu thụ năm 2017: 938.464 kw - giảm 20,7% so với năm 2016 là 245.828 kw.

2.3. Tiêu thụ nước

- Tổng lượng tiêu thụ nước năm 2016 : 8.545 m³
- Tổng lượng tiêu thụ nước năm 2017 : 8.939 m³ - tăng 4,6% và chỉ dùng cho sinh hoạt
- Tỷ lệ phân trăm tái sử dụng : 0%

2.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường : Công ty tuân thủ đúng quy định về xử lý nước thải và bảo vệ môi trường

2.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động : 2.389 người – Thu nhập bình quân : 7,1 triệu đồng/người/tháng**
- Các chính sách đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động :**
 - Khám sức khỏe và bệnh nghề nghiệp cho người lao động : 2 lần/năm
 - Khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động: 1 lần/năm
 - Xét nghiệm nước uống : 4 lần/năm
 - Đo môi trường lao động 1 lần/ năm
 - Đo môi trường xung quanh, đo kiểm nước thải : 4 lần/năm
 - Bồi dưỡng bằng hiện vật cho công nhân những khu vực nóng, tiếng ồn, bụi : Hàng tuần
 - Trang bị bảo hộ lao động theo quy định
 - Mua bảo hiểm tai nạn, rủi ro cho toàn bộ người lao động: Hàng tháng
 - Chi trả chế độ tại nạn cho người lao động đúng quy định: Trong vòng 3 ngày kể từ ngày công ty nhận đầy đủ hồ sơ (giấy ra viện, đơn thuốc, hóa đơn VAT, ...)
- Hoạt động đào tạo cho người lao động :**
 - Số giờ Người lao động tham gia đào tạo, do cơ quan bên ngoài đào tạo: 48 giờ /người /năm
 - Số giờ người lao động tham gia đào tạo, do nội bộ đào tạo: 2 giờ/người/năm



III. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ 2017 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2018

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017

Thực hiện mục tiêu, chiến lược của Đại hội đồng cổ đông giao, năm 2017 và với tình hình đơn hàng thuận lợi, Công ty đã tập trung cho ngành may hàng gia dụng để vận hành tối đa công suất của các nhà máy như sau:

- Nhà máy Bình Thạnh : 27 chuyền
- Nhà máy Thạnh Mỹ : 16 chuyền
- Các Nhà máy gia công bên ngoài : 46 chuyền

- Nhà máy sản xuất thiết bị chiếu sáng : Đạt 16.000 sản phẩm chao đèn/ngày và 1.300 sản phẩm đèn/ngày, lợi nhuận đạt 191% so với kế hoạch và thực hiện được chiến lược tạo ngành hàng mới, xây dựng được đội ngũ nhân lực cho ngành thiết bị chiếu sáng gia dụng của Công ty
- Nhà máy kim loại: Sản xuất các sản phẩm kim loại phục vụ ngành sản xuất sản phẩm gia dụng của Công ty và cũng đã đóng góp vào lợi nhuận và đáp ứng nhu cầu phụ kiện kim loại cho ngành may gia dụng của Công ty

Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trong năm 2017, Công ty đã không ngừng cải tiến sản xuất bằng cách ngày càng cải tiến hiệu quả việc áp dụng mô hình LEAN vào sản xuất giúp tổ chức sản xuất tinh gọn, tăng năng suất, giảm hao phí, dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- Thực hiện hệ thống quản lý tài chính kế toán chặt chẽ, minh bạch, tuân thủ đầy đủ quy định của Nhà nước về công tác kế toán tài chính, thuế doanh nghiệp
- Quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh, quản lý tốt việc tuân thủ định mức kỹ thuật, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, quy chế tài chính, quản lý và mua sắm tài sản của Công ty để đảm bảo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp
- Tập trung và nhạy bén trong việc sử dụng nguồn vốn của Công ty đúng mục đích, bảo toàn vốn và mang lại hiệu quả
- Khai thác một cách hiệu quả lợi thế tài chính từ nguồn ngoại tệ xuất khẩu góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

3. CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Cơ cấu lại nhân sự, hoàn thiện sơ đồ tổ chức Công ty theo mô hình quản lý tập trung phù hợp với quy mô mở rộng sản xuất và đa dạng hóa sản phẩm, khách hàng, thị trường của Công ty

- Tập trung công tác tuyển dụng, đào tạo công nhân, thay đổi văn hóa và ý thức trong sản xuất để hướng tới cải tiến sản xuất theo hướng tinh gọn, hiệu quả và đặc biệt là thu hút nhân lực quản lý có kinh nghiệm về làm việc tại Công ty
- Thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh trật tự, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, tiết kiệm năng lượng, vệ sinh môi trường và chăm sóc y tế cho người lao động

Công tác thực hiện chế độ chính sách cho người lao động

- Tập trung xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy trình, chính sách lương, thưởng và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động
- Thường xuyên phát động các phong trào thi đua, tăng năng suất – chất lượng, nâng cao thu nhập cho người lao động

4. KẾ HOẠCH NĂM 2018

4.1. Đầu tư phát triển năng lực sản xuất

Tiếp tục đầu tư phát triển sản xuất ngành hàng chính là hàng gia dụng (vải kết hợp với nhựa và vải kết hợp với kim loại), trong năm 2018 Công ty sẽ tập trung đầu tư phát triển tăng số chuyền sản xuất tăng lên 100 chuyền may (tăng 12% so với năm 2017)

- Triển khai Dự án Đầu tư hệ thống Kho tại cụm CN-TTCN Hắc Dịch tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu để đáp ứng nhu cầu đơn hàng dự kiến sẽ tăng
Diện tích khu đất: 27.220m²
Diện tích sàn xây dựng nhà xưởng giai đoạn 1: 10.700 m²
Tổng vốn đầu tư ước tính giai đoạn 1: 120 tỷ - 150 tỷ đồng
Dự kiến khởi công năm 2018
- Tìm kiếm các cơ hội M&A trong ngành để phát triển công suất trong thời gian nhanh nhất với giá trị đầu tư hợp lý, ngân sách sử dụng dự kiến cho M&A năm 2018 khoảng 250 tỷ đến 300 tỷ đồng

4.2. Doanh thu và Lợi nhuận 2018 dự kiến:

Doanh thu	:	1.800 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	:	85 - 95 tỷ đồng
Cổ tức dự kiến	:	10% - 30%

4.3. Biện pháp thực hiện

A/ Phát triển sản phẩm:

- Tập trung công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm, kịp thời nắm bắt thị hiếu của người tiêu dùng Châu Á, Châu Âu và Mỹ
- Tập trung công tác phát triển khách hàng, thị trường, sản phẩm có giá trị cao



- Phối hợp chặt chẽ cùng với khách hàng để nhanh chóng đưa ra thị trường sản phẩm mới

B/ Quản lý Chuỗi cung ứng:

- Tổ chức lại chuỗi cung ứng: Từ lựa chọn đơn hàng, Nhà cung cấp nguyên phụ liệu, đến công tác quản lý xuất - nhập - tồn kho
- Tổ chức lại Hệ thống Kho vận của Công ty theo đúng quy chuẩn, tập trung và đáp ứng tốt cho sản xuất và giao hàng

C/ Tổ chức quản lý sản xuất hiệu quả:

- Sắp xếp lại các phòng ban và các chuyên sản xuất theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Phát triển áp dụng mô hình LEAN cho tất cả các chuyên sản xuất trong các Nhà máy trong Công ty
- Tập trung cải tiến kỹ thuật, giảm hao hụt định mức nguyên vật liệu, cải tiến quy trình sản xuất giúp tăng năng suất và chất lượng
- Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng chặt chẽ hơn từ Nhà cung cấp - Kho nguyên vật liệu - xưởng sản xuất - xưởng đóng gói - hoàn thành - giao hàng

D/ Gia tăng năng lực sản xuất:

- Tích cực tuyển dụng công nhân để gia tăng số chuyên đáp ứng yêu cầu sản xuất
- Tìm kiếm các cơ hội M&A trong ngành để gia tăng năng lực sản xuất trong năm 2018



IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2017

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Mặc dù môi trường kinh doanh năm 2017 còn nhiều khó khăn, giá nguyên phụ liệu đầu vào biến động và trước áp lực giảm giá của khách hàng, Công ty đã tập trung nguồn lực vào ngành hàng chính, phát triển sản phẩm mới, chủ động tìm đơn hàng, nguồn nguyên phụ liệu với giá cạnh tranh để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao cụ thể:

- Doanh thu: 2.169.958.315.664 VND, đạt 155% /kế hoạch, tăng 68% /năm 2016
- Lợi nhuận sau thuế: 143.509.276.102 VND, đạt 166% /kế hoạch, tăng 77% / năm 2016 và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của Công ty trong những năm sắp tới. Công tác quản lý điều hành doanh nghiệp chặt chẽ, hiệu quả, vốn được bảo toàn và phát triển.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hiện có hai trong số năm thành viên của Hội đồng quản trị tham gia điều hành trong Công ty, vì vậy việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý, cụ thể:

- Hàng quý, Ban giám đốc đều có báo cáo để Hội đồng quản trị nắm rõ diễn biến các hoạt động của Công ty và kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết
- Tham gia họp với Ban giám đốc và các đối tác có liên quan khi có các vấn đề quan trọng trong kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác

Về quản lý sản xuất kinh doanh

- Ban Giám đốc kịp thời thông tin báo cáo và điều hành Công ty phù hợp với tình hình thực tế của thị trường và yêu cầu của Hội đồng quản trị. Ban Giám đốc đã rất nỗ lực, luôn năng động, sáng tạo và cải tiến trong quản lý, lãnh đạo Công ty đi đúng hướng cũng như đưa ra những giải pháp phù hợp và kịp thời nhằm đưa công ty vượt qua những khó khăn thách thức của thị trường, khai thác hiệu quả các nguồn lực của Công ty, tích cực mở rộng quan hệ đối tác đảm bảo sự phát triển của Công ty
- Đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty có tầm nhìn, năng động, tư duy cải tiến trong sản xuất, nhanh nhạy trong việc nắm bắt và thích nghi với tình hình đầy biến động của thị trường trong quá trình điều hành Công ty

Về quản lý tài chính

- Tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn và phát triển, đảm bảo lợi ích hài hòa của cổ đông và người lao động. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban Kiểm soát và kiểm soát nội bộ Công ty
- Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty

2187
NG T
PHÁ
KINH
NHẬP
H T H
H L I M
V H T P

3. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Năm 2017 là năm kết thúc nhiệm kỳ 2013-2017 của Hội đồng quản trị, kết quả đạt được của nhiệm kỳ 2013-2017 như sau :

Tổng Doanh thu đạt được	:	6.540.798.113.339 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	:	410.106.072.568 VND
Tổng Cổ tức đã chia cho cổ đông	:	205%
Tỷ lệ gia tăng Tổng tài sản 2017/2013:		67%

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 sẽ tiếp tục thực hiện đầu tư máy móc thiết bị để gia tăng năng lực sản xuất hàng gia dụng, mở rộng hệ thống kho bãi đáp ứng nhu cầu của thị trường và mục tiêu tăng trưởng trung và dài hạn của Công ty.

Nhà máy Bình Thạnh, Thạnh Mỹ : Tập trung vào lĩnh vực hàng gia dụng, trong đó Nhà máy Bình Thạnh sẽ tập trung những mặt hàng có giá trị cao và là Trung tâm nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, huy động các nguồn tài chính trong và ngoài Công ty để đầu tư gia tăng công suất, mở rộng khách hàng và thị trường mới.

Công ty cổ phần Sản xuất Kinh doanh Kim khí Đại Tây Dương: Sản xuất các sản phẩm kim loại phục vụ cho ngành hàng gia dụng của GILIMEX.

Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Chiếu sáng Thái Bình Dương: Trở thành một trong những Công ty sản xuất đèn gia dụng lớn tại Việt Nam, phục vụ cho xuất khẩu thị trường Châu Âu, Châu Á, Mỹ, Úc.

Đầu tư công suất mới:

- (i) Xây dựng các chuyên may mới
- (ii) Mua lại các nhà máy cùng ngành nghề để phục vụ tăng trưởng giai đoạn 2018 – 2022

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản Trị

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Trình độ chuyên môn	Chức vụ tại công ty	Số cổ phiếu có quyền biểu quyết sở hữu đến ngày 19/3/2018	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Lê Hùng	Cử nhân QTKD	Chủ Tịch HĐQT Tổng Giám đốc Người CBTT	1.691.301	12,18 %	Thành viên điều hành
	Cty Cổ phần May hàng gia dụng GILIMEX-PPJ		Chủ tịch HĐQT	856.990	6,17 %	

2	Nguyễn Việt Cường	Cử nhân kinh tế, chuyên viên kế toán, kiểm toán quốc tế	Thành viên HĐQT	224.900	1,62%	Thành viên điều hành
3	Nguyễn Hữu Phúc	Cử nhân Thương Mại	Thành viên HĐQT	700.000	5,04%	Thành viên độc lập không điều hành
4	Lê Trung Hải	Kỹ sư công nghệ dệt	Thành viên HĐQT	0		Thành viên độc lập không điều hành
5	Nguyễn Hoài Nam	Cử nhân kinh tế - Thạc sỹ QTKD	Thành viên HĐQT	0		Thành viên độc lập không điều hành
6	Nguyễn Mạnh Hùng		Không còn là thành viên HĐQT từ 22/04/2017			Từ nhiệm
7	Lê Thị Lệ Hằng		Không còn là thành viên HĐQT từ 22/04/2017			Từ nhiệm

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- Tiểu ban chiến lược sản xuất - kinh doanh và tái cấu trúc doanh nghiệp : Ông. Lê Hùng – Trưởng tiểu ban
- Tiểu ban tài chính : Ông. Nguyễn Hoài Nam – Trưởng tiểu ban
- Tiểu ban quan hệ nhà đầu tư : Ông. Nguyễn Việt Cường - Trưởng tiểu ban

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 ngày 27/05/2017 đã quyết định các nội dung sau:

- Thông qua Báo cáo thường niên 2017 của Công ty gồm:
 - Báo cáo Ban Giám đốc năm 2016
 - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2016
 - Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2016
 - Báo cáo của Công ty kiểm toán năm 2016
- Một số tờ trình của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông
 - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016
 - Thương cho cán bộ chủ chốt Cty 2016
 - Kế hoạch SXKD và cổ tức năm 2017
 - Ngân sách đầu tư cho năm 2017
 - Chủ tịch HĐQT đồng thời là Tổng Giám đốc Cty
 - Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm 2017
 - Thù lao cho HĐQT và BKS năm 2017

- Chấp thuận việc từ nhiệm 2 thành viên HĐQT – Ông NGUYỄN MẠNH HÙNG và Bà LÊ THỊ LỆ HẰNG từ ngày 22/4/2017
- Chấp thuận việc từ nhiệm 1 thành viên Ban Kiểm soát - ông NGUYỄN ĐỨC MINH từ ngày 7/5/2017

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị đã tiến hành 11 (mười một) cuộc họp và quyết định phê duyệt các vấn đề sau:

- Phê duyệt Báo cáo tài chính Quý 4.2016
- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017
- Phê duyệt Báo cáo tài chính Quý 1.2017
- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 - Lần 2
- Mua lại 2.670 cổ phiếu ESOP của CBCVN nghi việc làm cổ phiếu quỹ
- Thanh toán cổ tức năm 2016 bằng tiền (25%/mệnh giá)
- Chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và BCTC năm 2017 của Công ty
- Góp vốn thành lập Công Ty TNHH Một Thành Viên Kho Vận GILIMEX
 - Thông qua Nội dung Điều lệ Công ty TNHH MTV Kho Vận GILIMEX
 - Bổ nhiệm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Kho Vận GILIMEX
 - Bổ nhiệm Tổng Giám Đốc - Là Người đại diện theo pháp luật của Công Ty TNHH MTV Kho Vận GILIMEX
- Phê duyệt Báo cáo tài chính Quý 2. 2017
- Mua lại 1.340 cổ phiếu ESOP của CBCVN nghi việc làm cổ phiếu quỹ
- Phê duyệt Báo cáo tài chính Quý 3. 2017

1.4. Hoạt động của các thành viên hội đồng Quản trị độc lập không điều hành

Cùng với Hội đồng Quản trị tham gia hoạch định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh cho Công ty. Đồng thời, đóng góp ý kiến, đưa ra những giải pháp thực thi hiệu quả, tư vấn cho Công ty về mặt pháp lý, tài chính, hỗ trợ về kỹ thuật, cải tiến chuyên sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, phát triển ngành hàng mới của Công ty.

1.5. Hoạt động các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị

Tiểu ban chiến lược sản xuất kinh doanh và tái cấu trúc doanh nghiệp:

- Tiểu ban chiến lược đã cùng với Tổng Giám đốc hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty 2017 - 2020, tiếp tục hoàn thiện, sắp xếp bộ máy tổ chức quản lý công ty và các Công ty con theo cơ cấu tổ chức đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản Trị thông qua theo hướng quản lý tập trung, tinh gọn và hiệu quả, chú trọng vào các hoạt động sản xuất, quản lý tài chính, đầu tư máy móc thiết bị và chỉnh trang lại các nhà máy nhằm gia tăng năng lực sản xuất



- Cùng với Tổng Giám đốc, thường xuyên xem xét, triển khai các giải pháp giải quyết hàng tồn kho, đa dạng hóa ngành hàng và khách hàng, quản lý và tiết kiệm chi phí, đảm bảo cho hoạt động sản xuất được liên tục và tăng thu nhập cho người lao động thông qua việc hoàn thiện lại hệ thống quản lý chất lượng, chuẩn hóa các quy trình trong hệ thống, tăng cường kiểm soát nội bộ, giảm thời gian tồn kho của hàng hóa để gia tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh
- Chỉ đạo xúc tiến các thủ tục pháp lý và tìm đối tác cho việc thực hiện chủ trương hợp tác các dự án bất động sản đối với những mặt bằng hiện có của Công ty
- Tiếp tục hoàn thiện những Quy định, Quy chế, quy trình và Hệ thống quản lý chất lượng
- Ban hành các chính sách ưu đãi trong tuyển dụng, ổn định và thu hút nguồn nhân lực, Xây dựng và ban hành chính sách lương mới khoán năng suất trong sản xuất, tạo công bằng và thúc đẩy tăng năng suất trong sản xuất
- Khen thưởng cho những tập thể và cá nhân lao động xuất sắc, giỏi

Tiêu ban tài chính:

Tiêu ban tài chính đã cùng với Tổng Giám đốc:

- Thực hiện kế hoạch vốn và nguồn vốn đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong hoạt động tài chính
- Triển khai công tác kiểm tra, kiểm soát và giám sát hoạt động tài chính, giám sát giá trị lượng hàng tồn kho để có những giải pháp kịp thời, ổn định tình hình tài chính doanh nghiệp
- Đánh giá định kỳ tình hình thực hiện các dự án đầu tư, hiệu quả đầu tư để có những quyết định phù hợp nhằm đảm bảo hiệu quả của vốn đầu tư
- Công tác kế toán tài chính đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định của Nhà nước và Điều lệ Công ty

Tiêu ban Quan hệ nhà đầu tư:

Tiêu ban đã chủ động gặp gỡ, tiếp xúc, giải đáp kịp thời mọi thắc mắc, khiếu nại của các nhà đầu tư, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời và chính xác cho các cổ đông cũng như các quy định về công bố thông tin của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

0218
 ĐÔNG
 PH
 JAT KH
 T NHÀ
 NH TI
 GILIN
 ANHT

2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	Tên cá nhân	Trình độ chuyên môn	Chức vụ tại công ty	Số cổ phiếu sở hữu đến ngày 19/03/2018	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Minh	Cử nhân tài chính	Trưởng BKS	0	0	Từ nhiệm thành viên BKS từ 07/05/2017
2	Đào Sỹ Trung	Cử nhân QTKD	Thành viên BKS	5.006	0,04%	
3	Trần Thị Kim Thoa	Cử nhân tài chính – ngân hàng	Thành viên BKS	0	0	

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm Soát

2.2.1. Tình hình hoạt động 2017

- Kiểm tra sự tuân thủ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị công ty
- Ban Kiểm soát cử đại diện tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị
- Kiểm tra tính hợp pháp, tính trung thực và cân trọng trong tổ chức công tác kế toán và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính các quý và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán AASCS
- Trong năm 2017, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với hoạt động của công ty.

2.2.2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017 đã theo sát kế hoạch đại hội cổ đông đặt ra và đã đạt được mức tăng trưởng đáng kể. Cụ thể, doanh thu thuần hợp nhất đạt 2.169,95 tỷ đồng vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đặt ra là 1.400 tỷ đồng doanh thu, tương ứng vượt 55% kế hoạch doanh thu; lợi nhuận sau thuế đạt 143,52 tỷ đồng vượt kế hoạch do Đại hội cổ đông đặt ra là 75 – 85 tỷ đồng, tương ứng vượt 68% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.
- Trong năm 2017, Phòng Tài chính Kế toán chấp hành các quy định của Nhà nước, báo cáo tài chính được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập đã phản ánh trung thực, hợp lý với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Số liệu về kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2017 như sau:

<i>Chỉ tiêu (Triệu VND)</i>	<i>31/12/2016</i>	<i>31/12/2017</i>
- Tổng tài sản	1.089.998	1.487.143
<i>Trong đó:</i>		
- Tài sản ngắn hạn	721.041	1.124.699
- Tài sản dài hạn	368.957	362.443
- Tổng Nguồn vốn	1.089.998	1.487.143
<i>Trong đó:</i>		
- Nợ phải trả	638.427	927.325
- Nợ ngắn hạn	631.211	924.125
- Nợ dài hạn	7.215	3.200
- Vốn chủ sở hữu	451.570	559.818

Nguồn: BCTC Kiểm toán hợp nhất 2017

- Đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.
- Công tác lập báo cáo tài chính đã dần được cải thiện, đáp ứng theo quy định công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2.2.3. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Giám đốc và Bộ máy quản lý

- Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được triệu tập và tổ chức đúng quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia hoặc ủy quyền tham dự tương đối đầy đủ.
- Hội đồng Quản trị đã thực hiện chỉ đạo và giám sát Ban Giám Đốc tuân thủ điều lệ Công ty và Pháp luật trong quá trình thực thi nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2017
- Ban Giám Đốc và bộ máy quản lý đã thực hiện tương đối đầy đủ các nghị quyết của Hội đồng quản trị. Hệ thống kiểm soát của Công ty đang dần được củng cố, các quy trình, quy chế đang được hoàn thiện
- Trong năm 2017, Ban kiểm soát chưa nhận được sự thắc mắc hay khiếu nại của cổ đông liên quan đến trách nhiệm của HĐQT, Ban TGD đối với quyền lợi của cổ đông

2.2.4. Báo cáo đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm Soát với Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc

- Trong năm 2017, Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.
- Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều có sự tham gia của Ban Kiểm soát. Tài liệu họp và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị được cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Ban Kiểm soát theo đúng quy định.
- Trao đổi thông tin giữa Ban Kiểm soát và Ban Giám Đốc tương đối xuyên suốt

2.3. Kết luận và kiến nghị của Ban Kiểm soát

Trong năm 2017 nhìn chung Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã thực thi nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao phó theo quy định của pháp luật.

Trong năm tới, để tăng cường và phát huy hiệu quả, Ban kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban điều hành như sau:

- Đẩy mạnh triển khai các bước chiến lược phát triển nhằm giảm rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động của công ty.
- Tìm kiếm thêm khách hàng mới để có thêm nhiều lựa chọn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng các quy chế, quy trình hoạt động và phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát của Công ty nhằm tăng hiệu quả quản lý, giám sát và tối ưu hóa nguồn lực của các thành viên.
- Thực hiện công tác kế toán quản trị để phục vụ việc phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và đội ngũ nhân sự.
- Tiếp tục phát huy công tác tài chính để đáp ứng đủ nguồn vốn cho công tác đầu tư của Công ty trong thời gian tới.
- Tăng cường việc quy hoạch đội ngũ cán bộ nhằm đào tạo tuyển dụng nguồn nhân lực có chất lượng cao và khai thác hiệu quả đội ngũ hiện có để phục vụ kịp thời cho chiến lược phát triển của Công ty.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

3.1. Lương, thưởng, thù lao

Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện theo đúng Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017

Mức thu nhập Hội đồng Quản Trị và Tổng Giám đốc

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù Lao	Tổng cộng
01	Lê Hùng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	97,5%	-	2,5%	100%
02	Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-	100%	100%
03	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT từ tháng 01 đến tháng 04/2017	-	-	100%	100%
04	Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên HĐQT	-	-	100%	100%
05	Lê Trung Hải	Thành viên HĐQT	-	-	100%	100%
06	Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	96,9%	-	3,1%	100%
07	Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên HĐQT từ tháng 01 đến tháng 04/2017	-	-	100%	100%



Mức thù lao của Ban Kiểm soát

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù Lao	Tổng cộng
01	Nguyễn Đức Minh	Trưởng Ban Kiểm soát từ tháng 01 đến tháng 04/2017	-	-	100%	100%
02	Đào Sỹ Trung	Thành viên BKS	62%	-	38%	100%
03	Trần Thị Kim Thoa	Thành viên BKS	-	-	100%	100%

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2017

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Cty Cp SXKD XNK Bình Thạnh	Giao dịch Cổ phiếu quỹ	34.670	0,25%	38.680	0,28%	Mua cp quỹ từ CBCNV nghỉ việc theo quy chế ESOP
06	Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT	109.000	0,78%	224.900	1,62%	Tăng tỷ lệ sở hữu

3.3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn trong năm 2017: Không có**3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Công ty đã thực hiện theo đúng các quy định về quản trị Công ty

2167,
 NG T
 PHẬT
 T KINH E
 NHẬP KI
 H THẬN
 LIMEX
 VH TP. HỒ

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2017

- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2018

**Đại diện pháp luật của Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC**



LÊ HÙNG



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH
XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH**

*Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017
đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH
XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH**

*Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017
đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Điện thoại: 08 38 205 944 - Fax: 08 38 205 942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12 - 12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13 - 14
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 47



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000253 cấp ngày 29/12/2000 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 số 0302181666 ngày 19/09/2014 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 139.245.880.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2017 là: 139.245.880.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 334A Phan Văn Trị, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp: 05 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp được hợp nhất: 05 công ty.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, chi tiết: sản xuất, chế biến hàng thủy sản (không kinh doanh tại trụ sở);

- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);

- Chế biến và bảo quản rau quả, chi tiết: sản xuất, chế biến hàng nông lâm sản (không hoạt động tại trụ sở);

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất, chế biến hàng da, cao su, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác (không hoạt động tại trụ sở), sản xuất, chế biến hàng thủ công mỹ nghệ, may mặc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, tẩy, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở);

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: xuất khẩu hàng nông lâm thủy hải sản, thủ công, mỹ nghệ, may mặc, hàng da, cao su, lương thực, thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác. Nhập khẩu thiết bị máy móc, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, điện tử. Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn;

- Hoạt động cấp tín dụng khác, chi tiết: dịch vụ cầm đồ;

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: dịch vụ thương mại;

- Xây dựng nhà các loại, chi tiết: xây dựng;

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng, chi tiết: trang trí nội thất;

4. Mô hình hoạt động của doanh nghiệp:

a/ Danh sách Công ty con đầu tư trực tiếp được hợp nhất

- Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ

+ Địa chỉ: Cụm CN-TTCN Hắc Dịch, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định

+ Địa chỉ: 370 Bạch Đằng, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
- + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
- Công Ty Cổ Phần Máy Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ
 - + Địa chỉ: 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,45%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,45%%
- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Kim Khí Đại Tây Dương
 - + Địa chỉ: Cụm CN-TTCN Hắc Dịch, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương
 - + Địa chỉ: Cụm CN-TTCN Hắc Dịch, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,9%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,9%

5. Kết quả hoạt động

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Lợi nhuận sau thuế trên Bảng kết quả kinh doanh hợp nhất	143.520.106.456	95.339.564.983
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất	238.995.959.901	130.219.508.865

6. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Đại diện theo Pháp luật

Hội đồng Quản trị	Ông	Lê Hùng	Chủ tịch
	Ông	Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên
	Ông	Nguyễn Việt Cường	Thành viên
	Ông	Nguyễn Hoài Nam	Thành viên
	Ông	Lê Trung Hải	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông	Lê Hùng	Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông	Đào Sỹ Trung	Thành viên
	Bà	Trần Thị Kim Thoa	Thành viên
Đại diện pháp luật	Ông	Lê Hùng	Tổng Giám đốc

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2017 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2017, kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch HĐQT

Lê Hùng

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2018

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Lê Hùng



Số: 311/BCKT/TC/2018/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2017**của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX)*

Kính gửi:

- Cổ đông Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh
- Hội đồng Quản trị Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh
- Ban Giám đốc Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX được lập ngày 28/03/2018, từ trang 8 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

Đến ngày 31/12/2017, Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh đã ký kết hợp đồng với Công Ty TNHH MTV Dệt May Gia Định mua cổ phần Công Ty CP Dệt May Gia Định bằng hình thức đấu thầu. Tuy nhiên, do Công Ty CP Dệt May Gia Định vẫn đang trong quá trình quyết toán với nhà nước chưa chốt được Báo cáo tài chính năm 2016 và năm 2017 nên chưa xác định được giá trị hợp lý của Công Ty CP Dệt May Gia Định nên Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh tạm treo khoản đầu tư này ở khoản mục đầu tư vào các đơn vị khác và không tiến hành hợp nhất.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam



Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNDKHN KTV: 0064-2018-142-1

Kiểm toán viên

Dương Thị Quỳnh Hoa

Số giấy CNDKHN KTV: 0424-2018-142-1

1050
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

021
ÔNG PH
ẤT KH
NHÀ
HỆ TH
GLIM
VH TR

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.124.699.853.384	721.041.045.813
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	204.332.139.701	146.257.074.676
1. Tiền	111		129.532.139.701	76.257.074.676
2. Các khoản tương đương tiền	112		74.800.000.000	70.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	6.408.714.500	3.388.518.500
1. Chứng khoán kinh doanh	121		3.005.119.388	3.005.119.388
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(16.404.888)	(36.600.888)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.420.000.000	420.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		482.114.315.604	112.904.402.967
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	453.511.405.749	87.149.904.031
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.709.551.739	11.932.383.487
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	11.893.358.116	16.121.734.731
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(2.299.619.282)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	397.544.278.648	427.843.954.437
1. Hàng tồn kho	141		401.908.418.092	427.048.855.338
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.364.139.444)	(900.901)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.300.404.931	31.447.095.233
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	1.611.880.536	1.553.294.044
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		32.676.059.521	29.719.783.078
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.13	12.464.874	174.018.111
4. Giao dịch mua lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		362.443.233.380	368.957.440.014
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		878.664.120	844.170.120
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	878.664.120	844.170.120
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	220		132.709.374.793	136.840.824.795
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	123.176.157.128	127.102.277.210
- Nguyên giá	222		195.875.048.404	185.658.275.225
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.698.891.276)	(58.555.998.015)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	9.533.217.665	9.738.547.585
- Nguyên giá	228		11.439.551.919	11.287.751.919
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.906.334.254)	(1.549.204.334)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	7.632.903.753	7.382.049.902
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7.632.903.753	7.382.049.902
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	193.822.794.100	193.822.794.100
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		193.822.794.100	193.822.794.100
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.399.496.614	30.067.601.097
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	27.068.634.957	29.759.362.296
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	330.861.657	308.238.801
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.487.143.086.764	1.089.998.485.827

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		927.325.033.933	638.427.618.344
I. Nợ ngắn hạn	310		924.125.033.933	631.211.870.997
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	271.148.673.947	114.728.428.666
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.314.992.718	2.162.699.904
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	28.201.087.536	4.567.684.082
4. Phải trả người lao động	314		45.151.720.324	49.171.905.846
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	930.714.805	1.037.061.460
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	465.335.968	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	27.032.033.470	11.551.030.512
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	543.834.628.352	447.947.213.714
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.846.813	45.846.813
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.200.000.000	7.215.747.347
1. Phải trả dài hạn người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	3.200.000.000	3.228.600.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	-	3.987.147.347
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-

01172
ÔNG T
NHẬN
VU TU
SINH K
KIỂM T
HIA N

218166
NG TY
PHẦN
KINH DO
NHẬP KH
THÀNH
IMEX)
TP. HỒ C


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	V.18	559.818.052.831	451.570.867.483
I. Vốn chủ sở hữu	410		559.818.052.831	451.570.867.483
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		139.245.880.000	139.245.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		139.245.880.000	139.245.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		165.706.498.665	165.706.498.665
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(30.785.614.577)	(30.745.514.577)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.593.508.600	45.593.508.600
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		300.000.000	800.000.000
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		238.995.959.901	130.219.508.865
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		95.825.828.490	61.687.981.502
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		143.170.131.411	68.531.527.363
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		761.820.242	750.985.930
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.487.143.086.764	1.089.998.485.827

Người lập biểu


Dương Ngọc Hải


Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Minh Hiếu

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc




Lê Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

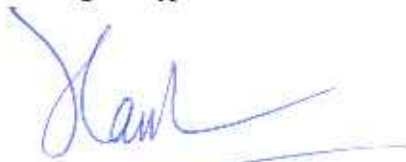
Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	2.169.958.315.664	1.291.652.778.580
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	1.019.006.584
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.169.958.315.664	1.290.633.771.996
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	1.816.544.690.216	1.021.118.696.156
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		353.413.625.448	269.515.075.840
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	20.781.036.052	21.239.729.759
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	26.983.943.138	50.152.575.902
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.864.308.543	11.564.547.592
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.08	83.468.686.995	36.174.071.266
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	89.052.955.741	81.921.352.902
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		174.689.075.626	122.506.805.529
12. Thu nhập khác	31	VI.06	12.247.031.571	11.878.718.069
13. Chi phí khác	32	VI.07	2.239.472.206	8.260.112.202
14. Lợi nhuận khác	40		10.007.559.365	3.618.605.867
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		184.696.634.991	126.125.411.396
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	41.199.862.848	30.758.627.787
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	(23.334.313)	27.218.626
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>143.520.106.456</u>	<u>95.339.564.983</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		143.509.276.102	80.983.068.060
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		10.830.354	14.356.496.923
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	11.013	6.345

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Dương Ngọc Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Hiền

Tổng Giám đốc




Lê Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		184.696.634.991	126.125.411.396
2. Điều chỉnh cho các khoản			25.436.301.787	3.455.769.611
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		15.503.535.334	15.824.757.587
- Các khoản dự phòng	03		4.339.042.543	897.495.404
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		457.823.349	7.096.963.445
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.728.407.982)	(31.927.994.417)
- Chi phí lãi vay	06		13.864.308.543	11.564.547.592
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		210.132.936.778	129.581.181.007
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(320.164.067.614)	77.553.463.640
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		25.140.437.246	(147.727.681.015)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		128.406.972.939	43.082.645.909
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		2.652.972.802	140.604.216
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.769.974.249)	(12.413.697.176)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(21.050.271.059)	(25.852.042.231)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.558.400.000)	(1.947.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.790.606.843	62.416.874.350
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17.137.611.871)	(26.167.167.571)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		11.716.207.691	13.344.967.683
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.800.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(193.822.794.100)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	12.361.615.500
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.213.869.539	232.751.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.007.534.641)	(194.050.627.488)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(40.100.000)	(226.700.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.246.821.631.008	865.754.662.617
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.154.921.363.717)	(820.584.328.115)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(33.693.680.375)	(31.089.815.125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		58.166.486.916	13.853.819.377
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		57.949.559.118	(117.779.933.761)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		146.257.074.676	264.084.040.246
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		125.505.907	(47.031.809)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		204.332.139.701	146.257.074.676

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc

Dương Ngọc Hải

Nguyễn Thị Minh Hiếu

Lê Hùng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 139.245.880.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2017 là: 139.245.880.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 334A Phan Văn Trị, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, chi tiết: sản xuất, chế biến hàng thủy sản (không kinh doanh tại trụ sở);
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến và bảo quản rau quả, chi tiết: sản xuất, chế biến hàng nông lâm sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất, chế biến hàng da, cao su, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác (không hoạt động tại trụ sở), sản xuất, chế biến hàng thủ công mỹ nghệ, may mặc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, tẩy, nhuộm, hồ, in, gia công hàng da qua sử dụng tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: xuất khẩu hàng nông lâm thủy hải sản, thủ công, mỹ nghệ, may mặc, hàng da, cao su, lương thực, thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác. Nhập khẩu thiết bị máy móc, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, điện tử. Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn;
- Hoạt động cấp tin dụng khác, chi tiết: dịch vụ cầm đồ;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: dịch vụ thương mại;
- Xây dựng nhà các loại, chi tiết: xây dựng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng, chi tiết: trang trí nội thất;
- Chuẩn bị mặt bằng, chi tiết: san lấp mặt bằng;
- Kinh doanh BĐS, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: kinh doanh địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc Công ty

Tổng số các Công ty con: 05 công ty

Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 05 công ty

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp: 05 công ty.

Tổng số các công ty con đầu tư trực tiếp được hợp nhất: 05 công ty.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

- Công Ty TNHH May Thanh Mỹ

+ Địa chỉ: Cụm CN-TTCN Hắc Dịch, Ấp Tráng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
- + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
- Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định
 - + Địa chỉ: 370 Bạch Đằng, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
- Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ
 - + Địa chỉ: 334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,45%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,45%
- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Kim Khí Đại Tây Dương
 - + Địa chỉ: Cụm CN-TTCN Hắc Dịch, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương
 - + Địa chỉ: Cụm CN-TTCN Hắc Dịch, Ấp Trảng Cát, Xã Hắc Dịch, Huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.
 - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,9%
 - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,9%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

1901
CÔNG
CƠ NIỆP
TH VỤ
CHÍNH
VÀ KIỂM
PHIA
1 - TP.

216
NG 1
PHÁ
KINH
HẬP K
THA
LMB2
TP.H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi cần được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

c. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuê GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

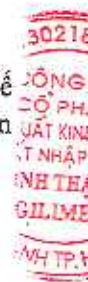
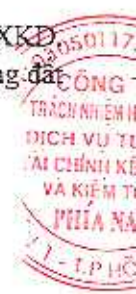
8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Một khoản dự phòng cho các khoản chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp chỉ được ghi nhận khi có đủ các điều kiện ghi nhận đối với các khoản dự phòng theo quy định tại Chuẩn mực kế toán "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

Các khoản dự phòng phải trả được trích lập hay hoàn nhập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản dự phòng phải trả khi trích lập ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng; khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí SX chung và hoàn nhập vào thu nhập khác.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, bất động sản đầu tư, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, sản phẩm dở dang ...

Chênh lệch đánh giá lại tài sản trong các trường hợp:

- Khi có quyết định của Nhà nước;
- Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bảng giá Nhà nước quy định, Hội đồng định giá tài sản hoặc cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.

c. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau.

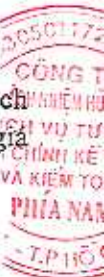
Các khoản chênh lệch tỷ giá được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

17. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoán nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

22. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ là Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX và Báo cáo tài chính của các Công ty con cho năm tài chính 2017, đều kết thúc tại ngày 31/12/2017.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các Công ty con và Công ty mẹ, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

30501172
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN
KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
1 - T. PHỐ C

0302
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SẢN XUẤT KINH
DOANH VÀ DỊCH VỤ
BÌNH THẠNH
(GILIMEX)
BÌNH THẠNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Tiền mặt (*)	187.858.660	172.394.944
Tiền gửi ngân hàng (**)	129.344.281.041	76.084.679.732
<i>Tiền gửi VND</i>	<i>11.636.992.595</i>	<i>9.539.415.862</i>
<i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	<i>117.707.288.446</i>	<i>66.545.263.870</i>
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi tiết kiệm dưới 3 tháng)	74.800.000.000	70.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội</i>	<i>69.800.000.000</i>	<i>70.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương VN -CN BSG</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>-</i>
Tổng cộng	204.332.139.701	146.257.074.676

Ghi chú:

(*) Tiền mặt tồn quỹ khớp với biên bản kiểm kê thực tế tại ngày 31/12/2017.

(**) Tiền gửi Ngân hàng phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng tại ngày 31/12/2017.

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**2.1 Chứng khoán kinh doanh**

	<i>Cuối năm</i>			<i>Đầu năm</i>		
	<i>Giá trị gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>
- Tổng giá trị cổ phiếu	3.005.119.388	2.988.714.500	16.404.888	3.005.119.388	2.968.518.500	36.600.888
+ Công Ty CP BV đa khoa tư nhân Triều An (50.000 cổ phiếu)	2.250.000.000	2.250.000.000	-	2.250.000.000	2.250.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (203 cổ phiếu)	290.000	290.000	-	290.000	290.000	-
+ Công Ty CP CB Hàng XK Long An (11.880 cổ phiếu)	169.656.888	153.252.000	16.404.888	169.656.888	133.056.000	36.600.888

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

+ Công Ty CP XNK&ĐT Thừa Thiên Huế
(51.900 cổ phiếu)

	585.172.500	585.172.500	-	585.172.500	585.172.500	-
Tổng cộng	3.005.119.388	2.988.714.500	16.404.888	3.005.119.388	2.968.518.500	36.600.888

Ghi chú:

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho cổ phiếu Công Ty Cổ Phần Bệnh Viện Đa khoa Tư nhân Triều An, Công Ty CP XNK&ĐT Thừa Thiên Huế do tại thời điểm này Công ty không thu thập được giá giao dịch của cổ phiếu này trên thị trường chứng khoán.

2.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Ngắn hạn:	3.420.000.000	3.420.000.000	420.000.000	420.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (Ngân hàng TMCP Quân Đội - 12 tháng)	3.420.000.000	3.420.000.000	420.000.000	420.000.000
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
b. Dài hạn:	-	-	-	-
Tổng cộng	3.420.000.000	3.420.000.000	420.000.000	420.000.000

2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào các đơn vị khác	193.822.794.100	-	193.822.794.100	193.822.794.100	-	193.822.794.100
Trong đó:						
+ Công Ty CP Dệt May Gia Định (tỷ lệ 25%)(*)	193.822.794.100	-	193.822.794.100	193.822.794.100	-	193.822.794.100
Tổng cộng	193.822.794.100	-	193.822.794.100	193.822.794.100	-	193.822.794.100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017*

(*) Theo QĐ số 7194/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công Ty TNHH MTV Dệt May Gia Định thuộc Công ty Đầu Tư Tài Chính Nhà Nước Thành Phố thành Công Ty Cổ Phần. Ngày 10/05/2016 Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh ký kết hợp đồng với Công Ty TNHH MTV Dệt May Gia Định mua 25% vốn cổ phần của Công Ty CP Dệt May Gia Định bằng hình thức đấu thầu. Tuy nhiên, do Công Ty CP Dệt May Gia Định vẫn đang trong quá trình quyết toán với nhà nước chưa chốt được Báo cáo tài chính năm 2016 và năm 2017 nên chưa xác định được giá trị hợp lý của Công Ty CP Dệt May Gia Định. Vì vậy, Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Nhập Khẩu Bình Thạnh tạm treo khoản mục đầu tư này ở khoản mục đầu tư vào các đơn vị khác.

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
3.1. Phải thu khách hàng ngắn hạn	453.511.405.749	87.149.904.031
+ Ikea Trading HongKong LTD	16.631.461.994	20.150.124.436
+ Ikea Supply AG	55.963.034.681	52.468.254.041
+ Ballard Designs, Inc	9.455.217.649	4.659.044.929
+ Amazon Robotics, Inc	355.384.948.930	-
+ Công Ty CP DV TV Và Đầu Tư An Điền	13.867.001.200	7.000.000.000
+ Công Ty Cổ Phần KLASSY	-	1.406.354.260
+ Các đối tượng khác	2.209.741.295	1.466.126.365
3.2. Phải thu khách hàng dài hạn	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4.1. Phải thu ngắn hạn khác	11.893.358.116	-	16.121.734.731	-
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-	-	-
- Phải thu về cổ tức và LN được chia	-	-	-	-
- Tạm ứng	2.188.019.605	-	2.194.867.682	-
- Ký cược, ký quỹ	51.100.077	-	2.104.566.687	-
- Phải thu khác	9.654.238.434	-	11.822.300.362	-
<i>Trong đó:</i>				
Ngân Hàng TMCP Quân Đội	128.540.002	-	169.464.166	-
Thuế nhập khẩu	329.157.592	-	5.390.266.106	-
Công Ty TNHH XD Việt Build	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
IKEA SUPPLY AG	-	-	759.398.763	-
Công Ty TNHH Lovetex Industrial Việt Nam	904.439.022	-	-	-
XN Vận Tài Và Kinh Doanh Tổng Hợp	500.902.954	-	-	-
Ngân Hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	352.327.360	-	-	-
Phải thu hàng lỗi vải từ nhà cung cấp	401.910.024	-	-	-
Công ty TNHH Innopack Việt Nam	326.046.000	-	-	-
CTY TNHH Giao Nhận và vận tải Liên Lục Địa	209.444.263	-	-	-
Phải thu khác	1.501.471.217	-	503.171.327	-
4.2. Phải thu dài hạn khác	878.664.120	-	844.170.120	-
- Ký cược, ký quỹ	878.664.120	-	844.170.120	-
Tổng cộng	12.772.022.236	-	16.965.904.851	-

5. NỢ XẤU

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-	2.299.619.282	-
<i>Trong đó:</i>				
+ Công Ty Sản Xuất Phim Việt Chuyên Đề	-	-	2.250.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017*

+ Công Ty TNHH Đầu Tư Chiến Thắng	-	-	117.600.000	-
+ Tô Thị Ngọc Thảo	-	-	20.000.000	-
+ Công Ty TNHH Đức Nhân	-	-	396.635.955	-
+ Công Ty CP Truyền Thông Ánh Sáng Xanh	-	-	7.700.000	-
+ Công Ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đất Phố	-	-	151.200.000	-
+ Công Ty TNHH Phú Hải	-	-	4.331.067	-
- Công Ty Hoàng Gia	-	-	44.000.000	-
+ Công Ty TNHH Đầu Tư Tiên Thắng	-	-	78.400.000	-
+ Công Ty TNHH TM DV XD Kim Loan	-	-	71.148.000	-
+ Công Ty CP Klassy	-	-	1.406.354.260	-
Tổng cộng	-	-	2.299.619.282	-

6. HÀNG TỒN KHO

	<i>Cuối năm</i>		<i>Đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
- Hàng đang đi trên đường	2.279.819.405	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	181.327.665.387	-	143.231.694.926	4.900.901
- Công cụ, dụng cụ	19.447.842.701	-	15.435.563.258	-
- Chi phí SXKD dở dang	20.668.758.910	-	28.665.198.150	-
- Thành phẩm	177.363.450.729	4.364.139.444	239.086.193.989	-
- Hàng hóa	771.759.638	-	581.083.693	-
- Hàng hóa gửi bán	49.121.322	-	49.121.322	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	401.908.418.092	4.364.139.444	427.048.855.338	4.900.901

7. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

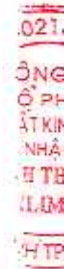
	<i>Cuối năm</i>		<i>Đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
- Xây dựng cơ bản dở dang	7.632.903.753	6.622.915.443	7.382.049.902	6.372.061.592
<i>Trong đó:</i>				
- Mua sắm TSCĐ	-	-	913.003.440	913.003.440
- Xây dựng cơ bản dở dang	7.632.903.753	6.622.915.443	6.469.046.462	5.459.058.152
<i>Công trình khu biệt thự Bình Quới, Thanh Đa</i>	<i>5.059.058.152</i>	<i>5.059.058.152</i>	<i>5.059.058.152</i>	<i>5.059.058.152</i>
<i>Công trình phường 28, quận Bình Thạnh</i>	<i>1.009.988.310</i>	<i>-</i>	<i>1.009.988.310</i>	<i>-</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017*

Công trình nhà máy Quảng Trị	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000
Công trình nhà văn phòng NM Bình Thạnh	30.000.000	30.000.000	-	-
Công trình Kho Tổng Gilimex	1.133.857.291	1.133.857.291	-	-
+ Sửa chữa	-	-	-	-
Tổng cộng	7.632.903.753	6.622.915.443	7.382.049.902	6.372.061.592

Ghi chú:

Công trình phường 28, quận Bình Thạnh phát sinh từ những năm trước, với những tài liệu hiện có do Công ty cung cấp chúng tôi không có căn cứ xác định công trình này có được tiếp tục thực hiện hay không, do vậy chúng tôi không thể xác định được giá trị có thể thu hồi của công trình này.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	110.017.951.834	54.185.311.737	19.762.195.864	1.070.531.787	622.284.003	185.658.275.225
2. Số tăng trong năm	807.632.000	13.856.573.180	649.654.600	155.500.000	-	15.469.359.780
- Mua trong năm	807.632.000	13.856.573.180	649.654.600	155.500.000	-	15.469.359.780
- Đầu tư XDCN hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	761.056.364	4.221.889.080	269.641.157	-	-	5.252.586.601
- Thanh lý, nhượng bán	761.056.364	4.142.927.080	269.641.157	-	-	5.173.624.601
- Giảm khác	-	78.962.000	-	-	-	78.962.000
4. Số dư cuối năm	110.064.527.470	63.819.995.837	20.142.209.307	1.226.031.787	622.284.003	195.875.048.404
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	23.588.355.057	26.322.683.742	7.657.968.900	688.438.536	298.551.780	58.555.998.015
2. Khấu hao trong năm	5.392.027.559	6.563.740.994	3.022.646.437	68.580.424	99.410.000	15.146.405.414
- Khấu hao tăng trong năm	5.392.027.559	6.563.740.994	3.022.646.437	68.580.424	99.410.000	15.146.405.414
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	638.933.576	94.937.420	269.641.157	-	-	1.003.512.153
- Thanh lý, nhượng bán	638.933.576	15.975.420	269.641.157	-	-	924.550.153
- Giảm khác	-	78.962.000	-	-	-	78.962.000
4. Số dư cuối năm	28.341.449.040	32.791.487.316	10.410.974.180	757.018.960	397.961.780	72.698.891.276
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	86.429.596.777	27.862.627.995	12.104.226.964	382.093.251	323.732.223	127.102.277.210
2. Tại ngày cuối năm	81.723.078.430	31.028.508.521	9.731.235.127	469.012.827	224.322.223	123.176.157.128



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
1. Số dư đầu năm	10.389.035.019	-	-	898.716.900	11.287.751.919
2. Số tăng trong năm	-	-	-	151.800.000	151.800.000
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm	-	-	-	151.800.000	151.800.000
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	10.389.035.019	-	-	1.050.516.900	11.439.551.919
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	865.442.985	-	-	683.761.349	1.549.204.334
2. Khấu hao trong năm	207.780.696	-	-	149.349.224	357.129.920
<i>Bao gồm:</i>					
- Khấu hao tăng trong năm	207.780.696	-	-	149.349.224	357.129.920
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	1.073.223.681	-	-	833.110.573	1.906.334.254
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
1. Tại ngày đầu năm	9.523.592.034	-	-	214.955.551	9.738.547.585
2. Tại ngày cuối năm	9.315.811.338	-	-	217.406.327	9.533.217.665



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
10.1. Ngắn hạn	1.611.880.536	1.553.294.044
- Chi phí thuê gia công, in, thêu	660.450.244	475.027.267
- Chi phí công cụ, dụng cụ	191.374.781	130.318.982
- Chi phí thi công, bảo trì, sửa chữa	93.567.227	123.711.269
- Chi phí bảo hiểm, khám sức khỏe	666.488.284	684.092.526
- Chi phí thuê văn phòng	-	140.144.000
10.2. Dài hạn	27.068.634.957	29.759.362.296
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	5.078.919.205	6.446.406.516
- Lợi thế thương mại	3.392.534.267	4.317.819.732
- Chi phí trả trước về đất dài hạn	11.943.322.164	12.241.905.216
- Chi phí sửa chữa, thi công, lắp đặt	5.283.006.377	5.888.538.488
- Chi phí khác	1.370.852.944	864.692.344
Tổng cộng	<u>28.680.515.493</u>	<u>31.312.656.340</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
11.1. Vay ngắn hạn	543.834.628.352	543.834.628.352	1.038.073.808.603	1.022.142.541.179	447.947.213.714	447.947.213.714
Ngân Hàng ĐT & PT - CN Gia Định (USD)	-	-	35.887.828.861	65.954.818.982	30.066.990.121	30.066.990.121
Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Sài Gòn (USD)	326.982.190.304	326.982.190.304	635.772.496.024	566.111.664.941	257.321.359.221	257.321.359.221
Ngân hàng TMCP Công Thương VN-Bắc SG (USD)	136.896.290.834	136.896.290.834	366.413.483.718	390.076.057.256	160.558.864.372	160.558.864.372
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Gò Vấp	79.956.147.214	79.956.147.214	215.653.886.543	135.697.739.329	-	-
11.2. Vay dài hạn	-	-	-	-	3.987.147.347	3.987.147.347
Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Sài Gòn (VND)	-	-	-	3.987.147.347	3.987.147.347	3.987.147.347
Cộng	543.834.628.352	543.834.628.352	1.038.073.808.603	1.022.142.541.179	451.934.361.061	451.934.361.061



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn:	271.148.673.947	271.148.673.947	114.728.428.666	114.728.428.666
- CAPSUNG TEXTILE	-	-	1.725.295.384	1.725.295.384
- Công Ty TNHH SX TM Bảo Bào	6.080.347.574	6.080.347.574	12.042.307.893	12.042.307.893
- OK SUNG IND	3.278.728.589	3.278.728.589	6.776.359.912	6.776.359.912
- DONGHAIXIANG GROUP CO., LTD	2.567.446.553	2.567.446.553	8.569.001.257	8.569.001.257
- Công Ty CP XNK & Đầu Tư Thừa Thiên Huế	83.185.849.000	83.185.849.000	26.875.896.000	26.875.896.000
- Công Ty CP Dệt May Gia Định	33.696.051.935	33.696.051.935	2.205.055.600	2.205.055.600
- DALLAN YUTIAN ELECTRONICS CO., LTD	29.960.740.303	29.960.740.303	-	-
- OCEANTEK SOLUTIONS INC	8.389.509.520	8.389.509.520	-	-
- Các đối tượng khác	103.990.000.473	103.990.000.473	56.534.512.620	56.534.512.620
b. Dài hạn:	-	-	-	-
Cộng	271.148.673.947	271.148.673.947	114.728.428.666	114.728.428.666
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THU, PHẢI NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	Phải nộp trong			
	Đầu năm	kỳ	Đã nộp trong kỳ	Cuối năm
a. Phải nộp	4.567.684.082	79.217.779.638	55.584.376.184	28.201.087.536
Thuế giá trị gia tăng	1.514.235.323	12.395.467.086	12.967.930.232	941.772.177
+ Thực nộp bằng tiền	1.514.235.323	9.001.728.686	9.574.191.832	941.772.177
+ Được khấu trừ	-	3.393.738.400	3.393.738.400	-
Thuế nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.061.085.852	40.934.366.497	21.050.271.059	21.945.181.290
Thuế thu nhập cá nhân	903.613.043	10.382.507.436	10.446.826.538	839.293.941
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	15.011.222.188	10.536.382.060	4.474.840.128
Thuế khác	88.749.864	494.216.431	582.966.295	-
b. Phải thu	174.018.111	161.553.237	-	12.464.874
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	174.018.111	161.553.237	-	12.464.874

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	930.714.805	1.037.061.460
- Trích trước chi phí lãi vay	655.650.849	566.517.857
- Chi phí tiền điện tháng 12	-	15.611.743
- Chi phí đánh giá tiêu chuẩn Iway	-	124.182.900
- Chi phí hàng về nhập kho chưa có chứng từ	185.853.456	295.748.960
- Chi phí phải trả khác	89.210.500	35.000.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	930.714.805	1.037.061.460

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	27.032.033.470	11.551.030.512
- Tài sản thừa chờ xử lý	900.137.288	899.613.523
- Kinh phí công đoàn	1.418.183.562	1.540.520.457
- BHXH, BHYT, BHTN	276.022.079	428.409.066
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.437.690.541	8.682.487.466
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí đồng phục công nhân và nhân viên văn phòng	15.750.000	47.064.000
Chi phí khen thưởng, lễ tết	1.440.000.000	602.000.000
IKEA TRADING HONGKONG	1.316.427.725	1.317.005.633
TODAY'S TEXTILE (Đài Loan)	1.313.247.637	1.280.069.404
EAST WEST MANUFACTURING	463.719.792	463.719.792
IKEA SUPPLY AG.	7.518.821.287	1.348.401.572
AMAZON ROBOTICS, LLC	4.556.000.000	-
Lê Hùng	1.300.000.000	-
BLAZE MAX HONG KONG LIMITED	1.305.892.203	63.448.500
BALLARD DESIGNS, INC	897.602.618	897.602.618
Các đối tượng khác	4.310.229.279	2.663.175.967
b. Dài hạn	3.200.000.000	3.228.600.000
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	3.200.000.000	3.228.600.000

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	465.335.968	-
- Doanh thu nhận trước (cho thuê văn phòng)	465.335.968	-
b. Dài hạn	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017*

Đơn vị tính: VND

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời khấu trừ	330.861.657	308.238.801
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	330.861.657	308.238.801
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế thu nhập hoãn lại		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời		
Thuế Thu nhập hoãn lại phải trả	-	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU*18.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
a. Số dư đầu năm trước	139.245.880.000	165.706.498.665	(42.445.381.047)	45.593.508.600	-	80.814.090.239	388.914.596.457
- Tăng trong năm trước	-	-	(226.700.000)	-	800.000.000	95.339.564.983	95.912.864.983
Trong đó:							
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	95.339.564.983	95.339.564.983
- Tăng do mua cổ phiếu quỹ	-	-	(226.700.000)	-	-	-	(226.700.000)
- Tăng do trích lập quỹ	-	-	-	-	800.000.000	-	800.000.000
- Giảm trong năm trước	-	-	11.926.566.470	-	-	45.934.146.357	57.860.712.827
Trong đó:							
- Giảm do bán cổ phiếu quỹ	-	-	11.926.566.470	-	-	-	11.926.566.470
- Trích nộp thuế TNCN	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	31.089.815.125	31.089.815.125
- Giảm khác	-	-	-	-	-	14.844.331.232	14.844.331.232
b. Số dư đầu năm nay	139.245.880.000	165.706.498.665	(30.745.514.577)	45.593.508.600	800.000.000	130.219.508.865	450.819.881.553
- Tăng trong năm nay	-	-	(40.100.000)	-	700.000.000	143.520.106.456	144.180.006.456
Trong đó:							
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	143.520.106.456	143.520.106.456
- Tăng do mua cổ phiếu quỹ	-	-	(40.100.000)	-	-	-	(40.100.000)
- Tăng do trích lập quỹ	-	-	-	-	700.000.000	-	700.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

- Giảm trong năm nay	-	-	-	-	1.200.000.000	34.743.655.420	35.943.655.420
Trong đó:							
- Giảm do trích lập quỹ	-	-	-	-	-	700.000.000	700.000.000
- Lợi nhuận giảm trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	33.693.680.375	33.693.680.375
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
c. Số dư cuối năm nay	139.245.880.000	165.706.498.665	(30.785.614.577)	45.593.508.600	300.000.000	238.995.959.901	559.056.232.589

18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác (cổ đông, thành viên...)	139.245.880.000	139.245.880.000
Cộng	<u>139.245.880.000</u>	<u>139.245.880.000</u>
* Thặng dư vốn cổ phần	165.706.498.665	165.706.498.665
* Cổ phiếu ngân quỹ	(30.785.614.577) 895.670 cổ phiếu	(30.745.514.577) 891.660 cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
a. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	139.245.880.000	139.245.880.000
+ Vốn góp đầu năm	139.245.880.000	139.245.880.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	139.245.880.000	139.245.880.000
b. Cổ tức lợi nhuận đã chia	33.693.680.375	31.089.815.125

18.4. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.924.588	13.924.588
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.924.588	13.924.588
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.924.588	13.924.588
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	895.670	891.660
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	895.670	891.660
<i>Trong đó:</i>		
<i>Gilimex mua</i>	38.680	34.670
<i>Công ty con mua</i>	856.990	856.990
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.028.918	13.032.928
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.028.918	13.032.928
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

18.5. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

18.6. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển	45.593.508.600	45.593.508.600
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	45.846.813	45.846.813
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	300.000.000	800.000.000

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CĐKT

	Cuối năm	Đầu năm
a. Ngoại tệ các loại		
- USD (nguyên tệ)	4.880.796,88	2.804.204,28
- EUR (nguyên tệ)	261.969,6	120.747,30

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	2.169.958.315.664	1.291.652.778.580
+ Doanh thu bán hàng hóa	1.030.890.430	500.024.878
+ Doanh thu bán thành phẩm	2.165.881.163.330	1.288.422.691.620
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.046.261.904	2.730.062.082
Cộng	2.169.958.315.664	1.291.652.778.580

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	1.019.006.584
Cộng	-	1.019.006.584

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	773.798.430	404.471.887
- Giá vốn thành phẩm đã bán	1.809.959.899.781	1.019.262.154.074
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.474.303.810	1.452.070.195
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.336.688.195	-
Cộng	1.816.544.690.216	1.021.118.696.156

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.074.685.096	5.210.893.227
- Lãi bán chứng khoán	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.000.000	232.751.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	15.796.085.532
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	-
Cộng	20.781.036.052	21.239.729.759

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí dự phòng chứng khoán	-	10.464.888
- Chi phí lãi vay	13.864.308.543	11.564.547.592
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	12.670.103.326	10.210.015.439
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	466.007.149	6.823.035.627
- Dự phòng chứng khoán	(20.196.000)	-
- Lỗ bán chứng khoán, khoản đầu tư	-	21.513.843.772
- Chi phí tài chính khác	3.720.120	30.668.584
Cộng	26.983.943.138	50.152.575.902

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

6. THU NHẬP KHÁC

- Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ và CCDC
- Thu từ điều chỉnh công nợ, thưởng, bồi thường
- Thu từ bán phế liệu
- Thu nhập khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
11.200.396.422	8.637.315.667
158.324.225	782.638.946
567.793.342	648.164.995
320.517.582	1.810.598.461
12.247.031.571	11.878.718.069

7. CHI PHÍ KHÁC

- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng
- Chi phí vi phạm hợp đồng, lãi phạt chậm nộp
- Thanh lý nguyên, phụ liệu
- Nợ không thu hồi được
- Chi phí khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
-	-
1.836.182.138	4.632.724.495
-	378.547.579
-	1.719.591.657
403.290.068	1.529.248.477
2.239.472.206	8.260.112.202

8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí nguyên vật liệu
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bán hàng bằng tiền khác

b. Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Thuế, phí, lệ phí
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí QLDN bằng tiền khác
- Hoàn nhập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi

Năm nay	Năm trước
83.468.686.995	36.174.071.266
-	-
402.778.635	337.335.873
1.139.485.357	2.171.098.454
81.926.423.003	33.665.636.939
89.052.955.741	81.921.352.902
51.419.829.192	45.040.405.115
2.977.899.765	802.191.591
7.050.110.690	8.036.277.756
11.383.633.194	11.698.658.272
-	10.000.000
3.695.412.164	5.068.897.926
12.526.070.736	11.273.922.131
-	(8.999.889)

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
1.151.782.920.370	773.257.479.461
294.025.117.567	305.554.814.433
15.503.535.334	15.824.757.587
431.821.914.596	254.206.142.426
128.916.569.729	88.583.947.413
2.022.050.057.596	1.437.427.141.320

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	40.794.615.054	30.758.627.787
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	405.247.794	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	41.199.862.848	30.758.627.787

11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(25.877.281)	(2.542.968)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.542.968	29.761.594
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(23.334.313)	27.218.626

12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	143.509.276.102	80.983.068.060
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.030.972	12.763.978
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.013	6.345

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ : không có
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: không có

	Năm nay	Năm trước
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.246.821.631.008	865.754.662.617
4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.154.921.363.717	820.584.328.115

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán
- Thông tin về các bên liên quan

a. Tình hình thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng của các thành viên BGD	3.780.000.000	3.780.000.000
Lương và thưởng của các thành viên HĐQT	528.000.000	528.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận:

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 2 điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

5. Tài sản và nợ phải trả tài chính:

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31/12/2017	Ngày 01/01/2017	Ngày 31/12/2017	Ngày 01/01/2017
Tiền và các khoản tương đương tiền	204.332.139.701	146.257.074.676	204.332.139.701	146.257.074.676
Phải thu khách hàng	453.511.405.749	87.149.904.031	453.511.405.749	87.149.904.031
Trả trước cho người bán	16.709.551.739	11.932.383.487	16.709.551.739	11.932.383.487
Các khoản phải thu khác	12.772.022.236	16.965.904.851	12.772.022.236	16.965.904.851
Cộng	687.325.119.425	262.305.267.045	687.325.119.425	262.305.267.045
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	271.148.673.947	114.728.428.666	271.148.673.947	114.728.428.666
Người mua trả tiền trước	7.314.992.718	2.162.699.904	7.314.992.718	2.162.699.904
Vay và nợ	543.834.628.352	451.934.361.061	543.834.628.352	451.934.361.061
Phải trả người lao động	45.151.720.324	49.171.905.846	45.151.720.324	49.171.905.846
Chi phí phải trả khác	930.714.805	1.037.061.460	930.714.805	1.037.061.460
Các khoản phải trả khác	30.232.033.470	14.779.630.512	30.232.033.470	14.779.630.512
Cộng	898.612.763.616	633.814.087.449	898.612.763.616	633.814.087.449

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày 31/12/2017. Tuy nhiên Ban Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2017.

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty:

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

b. Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

c. Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

e. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Tại ngày 31/12/2017	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	271.148.673.947	-	-	271.148.673.947
Người mua trả tiền trước	7.314.992.718	-	-	7.314.992.718
Vay và nợ	543.834.628.352	-	-	543.834.628.352
Phải trả người lao động	45.151.720.324	-	-	45.151.720.324
Chi phí phải trả	930.714.805	-	-	930.714.805
Các khoản phải trả phải nộp khác	27.032.033.470	3.200.000.000	-	30.232.033.470
Cộng	895.412.763.616	3.200.000.000	-	898.612.763.616

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

f. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro khác.

Các phân tích về độ nhạy dưới đây được trình bày trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

g. Rủi ro về cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về cổ phiếu là không đáng kể.

i. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

j. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31/12/2017

k. Độ nhạy của ngoại tệ

Công ty thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Tại thời điểm cuối kỳ kết thúc tại ngày 31/12/2017, tỷ giá dùng để đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các tài khoản tiền tệ là tỷ giá thực tế của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản thực hiện giao dịch, do đó Công ty không thực hiện tính độ nhạy của ngoại tệ.

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2017, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục

8. Thông tin về số liệu so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2016 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán.

Người lập biểu

Dương Ngọc Hải

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Hiền

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Lê Hùng